

Số: 343/QĐ-UBND

An Giang, ngày 17 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình canh tác phục vụ Đề án “Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-TT-CLT ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Cục Trồng trọt về việc ban hành Quy trình và sổ tay hướng dẫn Quy trình kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Đề án Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 28/TTr-SNNPTNT ngày 13 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình canh tác phục vụ Đề án “Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” (đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1961/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình canh tác phục vụ Đề án “Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai nội dung Chương trình canh tác phục vụ Đề án “Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” theo Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Báo An Giang, Đài PTTH An Giang;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- P.KTĐT, P.HCTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Công Thức

CHƯƠNG TRÌNH CANH TÁC
PHỤC VỤ ĐỀ ÁN “XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU GẠO
TỈNH AN GIANG ĐẾN NĂM 2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh An Giang)

I. Cơ sở pháp lý

Nghị định 103/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 của Chính phủ về quy định chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu;

Nghị định số 11/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu để hướng dẫn thực hiện việc chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang liên minh Châu Âu và Liên hiệp Vương Quốc Anh và Bắc Ai-Len;

Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 555/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu ngành lúa gạo Việt Nam đến năm 2025 và 2030;

Quyết định số 145/QĐ-TT-CLT ngày 27/03/2024 của Cục Trồng trọt về việc ban hành Quy trình và sổ tay hướng dẫn Quy trình kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long;

Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về ban hành Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND;

Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang;

Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành kế hoạch chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Đề án Xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

II. Sự cần thiết

Đồng bằng Sông Cửu Long có thế mạnh về trồng lúa, nhiều tiến bộ khoa học được áp dụng cả trong khâu trồng trọt, canh tác lẫn chế biến, trong những năm gần đây gạo Việt Nam tham gia các kỳ thi đấu gạo ngon nhất thế giới và đã đạt được thành tích khá tốt. Tuy nhiên, để xây dựng thương hiệu thì đến nay vẫn chưa được bắt đầu, chỉ dừng lại thương hiệu của từng doanh nghiệp đơn lẻ.

An Giang là một trong những địa phương có sản lượng lúa lớn đứng thứ hai của cả nước (sau tỉnh Kiên Giang), sản lượng hằng năm đạt khoảng 04 triệu tấn, xuất khẩu hằng năm đạt từ 500 - 550 ngàn tấn gạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và trở thành một trong bốn ngành hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh. Tuy nhiên, vấn đề đồng bộ về tiêu chuẩn chất lượng còn hạn chế, lượng gạo tiêu thụ trong nước và xuất khẩu được đóng túi có thương hiệu còn ít. Theo Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang về việc ban hành kế hoạch chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo tỉnh An Giang giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030, xác định tăng tỷ lệ gạo xuất khẩu trực tiếp và mang thương hiệu gạo An Giang.

Do đó, để xây dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang, ngoài yếu tố chương trình về giống thì chương trình canh tác cũng góp phần quyết định thành công việc xây dựng thương hiệu gạo tỉnh An Giang.

III. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Xây dựng quy trình canh tác lúa để áp dụng cho các vùng nguyên liệu tham gia Đề án xây dựng và phát triển thương hiệu gạo An Giang, đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường trong nước và xuất khẩu, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm gạo trên thị trường, nâng cao giá trị hạt gạo, góp phần thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân và doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

Xây dựng các yêu cầu kỹ thuật để áp dụng cho các vùng nguyên liệu tham gia Đề án, thông qua quy trình kỹ thuật để sản phẩm lúa đảm bảo đạt tiêu chuẩn trong nước và xuất khẩu, tùy thị trường ứng dụng:

- Quy trình kỹ thuật lấy tiêu chuẩn canh tác SRP 90 điểm làm điểm sàn, tham chiếu Nghị định 103/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 của Chính phủ quy định về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu;

- Quy trình kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng đồng bằng sông Cửu Long;

- Duy trì, phát triển mạng lưới sản xuất giống từ nguyên chủng đến giống xác nhận gắn với doanh nghiệp sản xuất, ưu tiên các mô hình liên kết sản xuất gắn liền với tiêu thụ.

IV. Nội dung Chương trình

1. Quy trình canh tác

1.1. Quy trình kỹ thuật - tiêu chuẩn SRP 90 điểm làm điểm sàn, tham chiếu Nghị định 103/2020/NĐ-CP ngày 04/9/2020 của Chính phủ quy định về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu

Yêu cầu của quy trình: khi nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp sản xuất lúa hàng hóa trong vùng nguyên liệu của Đề án ứng dụng quy trình sản xuất ra sản phẩm đảm bảo đạt tiêu chuẩn trong nước và xuất khẩu, lấy tiêu chuẩn canh tác SRP (Sustainable Rice Platform) 90 điểm - làm điểm sàn; quy định về chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu theo Nghị định 103/2020/NĐ-CP ngày 4/9/2020).

Quy trình được xây dựng trên cơ sở tham khảo từ: chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quy trình canh tác lúa 1 Phải 5 Giảm; tiêu chuẩn canh tác lúa gạo bền vững, phiên bản 2.1 - Diễn đàn lúa gạo bền vững; quy trình kỹ thuật canh tác lúa giảm chi phí và nâng cao hiệu quả tại vùng đồng bằng sông Cửu Long (Quyết định 73/QĐ-TT-VPPN ngày 25/4/2022 của Cục Trồng trọt).

(Quy trình chi tiết - phụ lục 1 đính kèm)

1.2. Quy trình kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Thực hiện “Quy trình kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp vùng đồng bằng sông Cửu Long” (Quyết định số 145/QĐ-TT-CLT ngày 27/03/2024 của Cục Trồng trọt). Yêu cầu của quy trình: nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp sản xuất lúa hàng hóa trong vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp và các vùng khác có điều kiện tương tự.

(Quy trình chi tiết - phụ lục 2 đính kèm)

2. Triển khai quy trình canh tác (phục vụ Đề án) đến địa phương, doanh nghiệp.

Trên cơ sở vùng nguyên liệu của doanh nghiệp tham gia Đề án (ưu tiên các vùng sản xuất lúa 02 vụ), hàng vụ ngành Nông nghiệp phối hợp với địa phương xác định giống lúa được chọn canh tác, tiến hành triển khai tổ chức gieo trồng lúa và hướng dẫn quy trình kỹ thuật canh tác (thông qua hội thảo đầu vụ, tập huấn khuyến nông,...) để

sản phẩm lúa gạo của nông dân, Hợp tác xã, Tổ hợp tác tham gia Đề án đạt theo yêu cầu doanh nghiệp, phục vụ xây dựng thương hiệu gạo An Giang.

Trong quá trình sản xuất, tùy điều kiện thực tế (tùy cuối vụ) phối hợp doanh nghiệp mời cơ quan chuyên môn (bên thứ 3) đến vùng nguyên liệu đánh giá mức độ đạt tiêu chuẩn (theo yêu cầu).

3. Triển khai các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và nông dân liên kết sản xuất - tiêu thụ theo các tiêu chuẩn của thị trường phục vụ xây dựng thương hiệu

- Giới thiệu, mời gọi doanh nghiệp tham gia vùng nguyên liệu, xây dựng thương hiệu gạo tỉnh An Giang;

- Khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nông dân, tại địa phương tham gia đầu tư, góp vốn vào hợp tác xã để cùng sản xuất - kinh doanh;

- Tạo điều kiện ngày càng nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh lúa gạo đến đầu tư, liên kết sản xuất – tiêu thụ tại An Giang; được hưởng chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Triển khai, thực hiện chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019; Quyết định số 70/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh An Giang; Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 05/04/2023 của UBND tỉnh và các văn bản liên quan nhằm hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng giao thông, thủy lợi, hệ thống sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm.

4. Thực hiện việc quản lý, kiểm tra, giám sát sản xuất theo Quy trình canh tác (đã triển khai) tại các vùng nguyên liệu đăng ký tham gia Đề án.

Tổ chức Đoàn công tác gồm sở, ngành liên quan, cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp tham gia kiểm tra, giám sát theo lịch định kỳ của chu trình sản xuất về việc thực hiện sản xuất theo Quy trình canh tác (đã ban hành, triển khai) tại các vùng nguyên liệu đăng ký của Đề án.

5. Công bố chất lượng lúa gạo mang thương hiệu An Giang

Sau khi có kết quả của cơ quan (thứ 3) đánh giá sản phẩm lúa gạo đạt mức độ theo tiêu chuẩn và nhãn hiệu chứng nhận gạo An Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với sở, ngành liên quan xem xét, tham mưu UBND tỉnh công bố chất lượng gạo để làm cơ sở cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Đề án phát triển sản phẩm.

V. Kinh phí thực hiện (theo Quyết định 663/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh)

Tổng kinh phí để triển khai Chương trình: **11.582.000.000 đồng** (Mười một tỷ năm trăm tám mươi hai triệu đồng), trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 6.830.000.000 đồng;
- Đối ứng (dân, doanh nghiệp,...): 4.752.000.000 đồng

Nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước để triển khai Chương trình được sử dụng lồng ghép từ nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia được giao hàng năm cho Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

(Kinh phí các hạng mục sẽ xây dựng chi tiết theo kế hoạch hàng năm)

VI. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hằng năm xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung của Chương trình canh tác, trong đó quan tâm hỗ trợ đầu tư, tập huấn quy trình canh tác cho nông dân, Hợp tác xã, Tổ hợp tác và doanh nghiệp tham gia phát triển thương hiệu gạo.
- Tổ chức đoàn công tác để kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo Quy trình canh tác đã triển khai tại các vùng nguyên liệu đăng ký tham gia Đề án.
- Thường xuyên rà soát, cập nhật những tiến bộ kỹ thuật, quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật để cập nhật trong quy trình canh tác lúa, triển khai đến nông dân vùng nguyên liệu, chất lượng lúa gạo đạt theo yêu cầu doanh nghiệp.
- Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các cá nhân, đơn vị liên quan đã tích cực tham gia và thực hiện có hiệu quả Chương trình.
- Chịu trách nhiệm tổng hợp và đề xuất các giải pháp xử lý các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.
- Báo cáo định kỳ, đột xuất (nếu có) đến Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Chương trình.

2. Sở Công Thương

- Phối hợp, tham gia đoàn công tác để kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo Quy trình canh tác đã triển khai tại các vùng nguyên liệu - đăng ký tham gia Đề án.
- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ liên quan: mời gọi doanh nghiệp tham gia Đề án; hỗ trợ áp dụng các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm lúa gạo; hỗ trợ hoạt động công bố chất lượng lúa - gạo mang thương hiệu An Giang.

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm soát chất lượng gạo công bố mang thương hiệu tỉnh An Giang.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp, tham gia đoàn công tác để kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo Quy trình canh tác đã triển khai tại các vùng nguyên liệu - đăng ký tham gia Đề án.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ liên quan: hướng dẫn doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh gạo sử dụng logo nhãn hiệu chứng nhận theo quy định; thúc đẩy áp dụng công nghệ trong truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm gạo; công bố chất lượng lúa, gạo mang thương hiệu An Giang;...

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng đổi mới công nghệ, áp dụng các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm lúa gạo,... (nếu doanh nghiệp có nhu cầu) và đáp ứng theo Quy định Nhà nước về hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang.

4. Sở Tài Chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban Nhân dân tỉnh kinh phí thực hiện Chương trình trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, dự án và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ liên quan: triển khai các cơ chế, chính sách đầu tư để hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, công nghệ chế biến để tạo ra sản phẩm chất lượng phục vụ phát triển thương hiệu gạo theo quy định.

6. Hội Nông dân tỉnh

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ liên quan: vận động nông dân tham gia sản xuất theo quy trình canh tác tạo sản phẩm đạt chất lượng xây dựng thương hiệu; vận động nông dân tham gia thành lập Chi Hội nông dân nghề nghiệp, Tổ Hội nông dân nghề nghiệp và Tổ hợp tác, phát triển hợp tác xã và phối hợp triển khai các chính sách đến hợp tác xã,...

7. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ liên quan: vận động nông dân tham gia thành lập, phát triển hợp tác xã; tư vấn, tuyên truyền về chủ trương, chính sách pháp luật về hợp tác xã, lợi ích của hợp tác xã; tổ chức các lớp sáng lập viên cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong quá trình chuẩn bị thành lập; tư vấn xây dựng điều lệ, lập kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, quy chế quản lý, điều hành hợp tác; phối hợp sở, ban ngành liên quan và địa phương tổ chức triển khai có hiệu quả các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển hợp tác xã; hỗ trợ hoạt động công bố chất lượng lúa - gạo mang thương hiệu An Giang;...

8. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã và thành phố

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động liên quan trong nội dung Chương trình canh tác trên địa bàn huyện.

9. Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh lúa, gạo

- Đăng ký nhu cầu tham gia vùng nguyên liệu, thực hiện chương trình canh tác và cam kết liên kết sản xuất – tiêu thụ sản phẩm lúa gạo theo quy trình canh tác triển khai.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các hoạt động liên quan trong nội dung Chương trình canh tác./.

PHỤ LỤC 1

QUY TRÌNH KỸ THUẬT - TIÊU CHUẨN SRP 90 ĐIỂM LÀM ĐIỂM SÀN (Phục vụ Đề án “Xây dựng và Phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”)

1. Thời vụ:

Tùy điều kiện từng địa phương, tuân thủ lịch thời vụ khuyến cáo của tỉnh tùy thuộc từng vụ (thời tiết, bầy đàn, mực nước,...) mà sẽ có lịch xuống giống cụ thể.

Lịch thời vụ cho biết ngày dự kiến thực hiện các hoạt động trên đồng, các hoạt động bao gồm (nếu áp dụng được):

(1)- Thời điểm của các công việc chính (làm đất, xuống giống, thu hoạch).

(2)- Thời điểm bón phân chính (kế hoạch các lần bón, liều lượng) và các hoạt động quản lý nước (bơm tưới, số lần tưới).

(3)- Thời điểm đánh giá nguy cơ dịch hại và mức độ thiệt hại (thăm đồng vào giai đoạn nào? nguy cơ sâu hay bệnh nhiều?, ...)

(4)- Thời điểm thuê các dịch vụ lao động và/hoặc hợp đồng (vd: thuê máy cày, xới, thu hoạch, drone, thuê lao động làm cỏ, bón phân, phun thuốc bảo vệ thực vật, ...)

Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP:

- Nông dân ghi chép đầy đủ các ngày dự kiến và ngày thực tế thực hiện của 4 hoạt động trên (nếu có thực hiện sẽ được bổ sung) sẽ đạt điểm tối đa là 3 điểm.

- Nếu chỉ ghi chép được hoạt động 1 và 2 thì nông dân sẽ được 2 điểm.

- Nông dân ghi được ngày dự kiến và ngày thực tế thực hiện hoạt động 1, nông dân sẽ được 1 điểm.

- Còn lại không có kế hoạch mùa vụ hoặc chưa hoàn thành sẽ không có điểm ở yêu cầu này. Nội dung này, các nông dân trong cùng một nhóm sẽ chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát chéo nhau để cùng thực hiện.

2. Chuẩn bị lúa giống:

- Chọn hạt giống: cần phải sử dụng hạt giống lúa cấp xác nhận theo quy chuẩn QCVN:01-54/BNNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Chọn loại giống: tên giống lúa được chọn để canh tác từ danh mục các giống lúa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Chương trình giống thuộc Đề án để xây

dựng và phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang hoặc có thể được điều chỉnh, bổ sung tùy theo nhu cầu tiêu thụ của doanh nghiệp.

Một số giống lúa đã được đề xuất tham gia để xây dựng thương hiệu: Jasmine 85, OM18, Lộc Trời 28, OM5451.... (kèm phụ lục 2 đặc tính giống lúa),...

Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP:

+ *Nông dân sử dụng giống xác nhận phù hợp với điều kiện địa phương và đáp ứng các tiêu chí giống cấp xác nhận: đạt điểm tối đa là 3 điểm.*

+ *Nông dân sử dụng giống tự sản xuất và đáp ứng các tiêu chí về giống, được kiểm soát chất lượng tối đa 3 vụ liên tiếp thì sẽ đạt 2 điểm.*

+ *Các trường hợp còn lại sử dụng giống lúa không có kiểm soát chất lượng thì không có điểm.*

3. Làm đất và chuẩn bị đất xuống giống:

Vệ sinh đồng ruộng: sau khi thu hoạch cần dọn - vệ sinh đồng ruộng để hạn chế mầm bệnh gây hại cho cây lúa ở vụ sản xuất kế tiếp. Đặc biệt, lượng rơm rạ để lại trên đồng ruộng khá lớn, cần thu gom rơm rạ khỏi ruộng, nếu trường hợp không thu gom mà để rơm rạ lại trong ruộng thì xử lý bằng cách phun chế phẩm Trichoderma sẽ giúp rơm rạ phân hủy nhanh và không chế các mầm bệnh lưu tồn trong rơm rạ như nấm *Rhizoctonia* gây bệnh đốm vằn; nấm *Fusarium* gây bệnh lúa von...

Làm đất và chuẩn bị đất xuống giống		
Vụ Đông Xuân (ĐX)	Vụ Hè Thu (HT)	Vụ Thu Đông (TD)
Sau khi thu hoạch lúa vụ Thu Đông, tiến hành cày xới lần I, khoảng 1 – 3 tuần sau, tiến hành làm đất chuẩn bị xuống giống, dùng máy cày/xới (chạy chậm, tác 2) để đạt độ sâu làm đất khoảng 7 - 10 cm, trang phẳng mặt ruộng, tạo điều kiện cho hạt giống mọc tốt. Đánh rãnh, xẻ nhiều rãnh thoát nước để thuận lợi cho việc đưa nước vào ruộng và bón phân.	Cuối vụ Đông Xuân và đầu vụ Hè Thu có thời gian đất nghỉ - chưa xuống giống liền thì sau khi thu hoạch lúa Đông Xuân, tiến hành cày phơi ải đất ít nhất 15 – 20 ngày tăng khả năng cung cấp dinh dưỡng cho cây lúa. Sau thời gian phơi ải, tiến hành bơm nước vào ruộng, ngập khoảng 3 - 5cm và trực, trang bằng mặt ruộng, đánh đường nước.	- Tương tự vụ Đông Xuân.

* Lưu ý: Không đốt rơm, rạ. Cần kết hợp xử lý chuột, cỏ và ốc bươu vàng; nếu xử lý thuốc BVTV phải thuộc danh mục cho phép sử dụng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	* Lưu ý: Không đốt rơm, rạ. Cần kết hợp xử lý chuột, cỏ và ốc bươu vàng. Nếu xử lý thuốc BVTV phải thuộc danh mục cho phép sử dụng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).	* Lưu ý: Xử lý rơm rạ tránh ngộ độc hữu cơ.
Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP: + <i>Nông dân san bằng mặt ruộng đạt 1/1000 độ dốc trong ruộng: đạt điểm tối đa là 3 điểm.</i> + <i>Nông dân chỉ san bằng mặt ruộng thông thường mỗi vụ thì sẽ đạt 2 điểm.</i> + <i>Nông dân không san bằng mặt ruộng thì không có điểm.</i>		

4. Xử lý hạt giống và gieo sạ:

- Xử lý hạt giống:

+ Trước khi xuống giống 7 – 10 ngày nên kiểm tra tỉ lệ nảy mầm hạt giống.

+ Phải biết ngày thu hoạch lô giống để có biện pháp xử lý giống/phá miên trạng phù hợp, có thể xử lý acid nitric 0,2%. Lưu ý: không dùng hóa chất để xử lý hạt giống nhằm mục đích trừ bù lạch và rầy nâu, có thể sử dụng một số loại kích kháng để xử lý hạt giống

+ Ngâm ủ hạt giống: Trước khi ngâm ủ đem đãi sạch loại bỏ hạt lép lửng (nếu có) sau đó tiến hành ngâm giống trong nước sạch từ 24 đến 36 giờ, khi thấy hạt lúa no nước, sau đó đem ủ trong vòng 24 – 48 giờ (tùy phương pháp gieo sạ mà thời gian ủ dài ngắn sẽ cho ra rễ mầm tương ứng). Nên ủ nơi khô thoáng, 12 giờ trước khi gieo sạ khi có rễ mầm có thể trộn thuốc bảo vệ thực vật ngừa bù lạch, rầy nâu đầu vụ,...

+ Tiến hành gieo sạ

- Mật độ gieo sạ: tùy theo mùa vụ và thời tiết, lượng giống cần để gieo sạ:

+ 80 – 100kg/ha đối với sạ bằng phương pháp kéo hàng, sạ bằng tay, bằng máy phun hạt 3 trong 1;

+ 50 – 70kg/ha đối với phương pháp sạ theo cụm (khóm), cấy.

5. Phân bón:

- Công thức phân bón:

Phân bón		
Vụ Đông Xuân (ĐX)	Vụ Hè Thu (HT)	Vụ Thu Đông (TĐ)
1. Đối với đất canh tác 2 vụ lúa/năm:		
- Đối với vùng đất phù sa: 100 - 110N + 40 - 50P₂O₅ + 40 - 50K₂O; - Đối với vùng đất phèn nhẹ: 90 - 100N + 50 - 60 P₂O₅ + 40 - 50K₂O; - Đối với vùng đất phèn trung bình: 80 - 90N + 50 - 60P₂O₅ + 40 - 50K₂O;	- Đối với vùng đất phù sa: 90 - 100 N + 40 - 50 P₂O₅ + 40 - 50K₂O; - Đối với vùng đất phèn nhẹ: 70 - 80 N + 50 - 60 P₂O₅ + 30 - 40K₂O; - Đối với vùng đất phèn trung bình: 70 - 80N + 50 - 60 P₂O₅ + 30 - 40K₂O;	
2. Đối với đất canh tác 3 vụ lúa/năm:		
Có thể bón tăng thêm 20% tổng lượng đạm (của đất canh tác 3 vụ lúa/năm) và nên bổ sung phân hữu cơ nhằm cải tạo đất	Có thể bón tăng thêm 20% tổng lượng đạm (của đất canh tác 3 vụ lúa/năm) và nên bổ sung phân hữu cơ nhằm cải tạo đất	- Đối với vùng đất phù sa: 90 - 100 N + 40 - 50 P₂O₅ + 40 - 50K₂O; - Đối với vùng đất phèn nhẹ: 70 - 80 N + 50 - 60 P₂O₅ + 30 - 40K₂O; - Đối với vùng đất phèn trung bình: 70 - 80N + 50 - 60 P₂O₅ + 30 - 40K₂O;

- Đất phù sa ven sông gồm các huyện, thị: An Phú, Tân Châu, Phú Tân, Chợ Mới.
- Đất phèn nhẹ gồm các huyện, thành phố: Long Xuyên, Châu Thành, Châu Phú, Châu Đốc.
- Đất phèn trung bình gồm các huyện, thị xã: Tri Tôn, Tịnh Biên, Thoại Sơn.

- Cách bón phân: chia làm **3 lần** bón:

+ Đợt 1 (7 – 10NSS): 1/3 lượng phân đạm, 1/2 lượng phân lân, 1/3 lượng phân kali.

+ Đợt 2 (18 – 20NSS: 1/3 lượng phân đạm, 1/2 lượng phân lân.

+ Đợt 3 (35 - 40NSS và khi lúa có đồng tũ từ 1 - 2mm tùy vào nhóm giống mà có thời gian bón phù hợp): 1/3 lượng phân đạm, 2/3 lượng phân kali.

Đối với vùng đất phèn: nên bón lót trước khi gieo sạ, liều lượng 100 – 140kg/ha.

Để giúp cây lúa khỏe và tăng tính chống chịu: có sử dụng thêm một số loại phân bón trung vi lượng như: Canxi, Silic,...

- Quản lý dinh dưỡng cần lưu ý:

(1) - Chọn thời điểm bón phân bón (vô cơ hoặc hữu cơ; N, P, K) phải theo nhu cầu của cây lúa, phù hợp với khuyến cáo của địa phương và theo hướng dẫn trên nhãn sản phẩm của bao bì sản phẩm.

(2) - Lượng phân bón sử dụng dựa vào độ phì nhiêu của đất, năng suất mong đợi, theo khuyến cáo của địa phương và theo chỉ dẫn của bao bì sản phẩm.

(3) - Áp dụng hệ thống sản xuất tự nhiên (luân canh, xen canh, trồng cây bản địa che phủ mặt đất) để tăng cường độ phì nhiêu của đất.

*** Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP:**

- Nông dân áp dụng tất cả các biện pháp quản lý dinh dưỡng cần lưu ý trên (1,2,3): thì sẽ đạt điểm tối đa là 6 điểm.

- Nông dân thực hiện 2 phương pháp bất kỳ sẽ được 4 điểm.

- Nông dân thực hiện 1 phương pháp bất kỳ sẽ đạt 2 điểm.

- Nông dân không thực hiện bất kỳ phương pháp nào thì không có điểm.

6. Quản lý nước:

*** Vụ Đông Xuân:** Áp dụng kỹ thuật tưới ướt khô xen kẽ:

- Giai đoạn 0 - 7 NSS (ngày sau sạ): tháo nước thật ráo chỉ cần đủ ẩm để hạt lúa nảy mầm tốt (tránh chết vũng).

- Giai đoạn 7 - 10 NSS: đưa nước vào ruộng từ 1 - 3cm để bón phân đợt I, giữ nước liên tục đến 20 NSS từ 3 - 5cm và giữ liên tục khi bón phân đợt 2 (18 - 22 ngày sau khi sạ), giai đoạn này cây lúa cần nước để phát triển, ngoài ra giữ nước trên ruộng giúp hạn chế cỏ dại.

- Bơm nước bón phân đợt 2. Giữ mực nước cao tối đa không quá 5cm.
- Giai đoạn 25 - 40 NSS: giai đoạn này chỉ cần nước vừa đủ, giữ mực nước từ bằng mặt đất cho đến thấp hơn mặt đất khoảng 15cm và khi mực nước dưới 15cm thì bơm nước vào ngập tối đa không quá 5cm và để mực nước hạ xuống dưới 15cm mới bơm tiếp.
- Giai đoạn 40 - 45 NSS: cần bơm 1 – 3cm trước khi bón phân lần 3 (khi có trên 2/3 ruộng chuyển sang vàng chanh là giai đoạn bón phân lần 3)
- Giai đoạn 60 - 75 NSS: cần giữ mực nước trong ruộng cao 3 - 5cm liên tục trong vòng 10 ngày, nhằm giúp cho lúa trở đều và thụ phấn dễ dàng, hạt lúa không bị lép hoặc lửng.
- Sau khi lúa trở đều tiếp tục điều tiết nước tương tự giai đoạn 25 - 40 ngày.
- Trước khi thu hoạch 10 - 15 ngày: tháo nước khô mặt ruộng, giúp lúa mau chín và thuận tiện để sử dụng máy gặt đập liên hợp.

*** Lưu ý:**

+ Các giai đoạn quản lý nước có thể chênh lệch từ 3 - 5 ngày tùy theo đặc tính và thời gian sinh trưởng của giống lúa.

+ Không để ruộng thất thoát nước sau khi bón phân.

*** Vụ Hè Thu và vụ Thu Đông:**

- Áp dụng kỹ thuật tưới ướt khô xen kẽ: tương tự vụ Đông Xuân.
- Lưu ý: Những lúc mưa nhiều thì không quản lý nước nhưng thời điểm không có mưa thì vẫn theo mực nước trong ống nhựa hoặc theo những rãnh nước trong ruộng.

*** Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP: bao gồm 2 phần:**

(1) yêu cầu về thoát nước hay khai nước ra:

- Nông dân không cần phải khai nước ra vì đã có các biện pháp canh tác tốt hoặc có khai nước ra mà không có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sẽ đạt điểm tối đa 3 điểm.
- Nông dân cần đảm bảo được thời gian khai nước ra. Sau khi sạ phân ít nhất 4 ngày mới được khai nước ra (để tăng hiệu quả sử dụng phân bón, hạn chế ô nhiễm môi trường,..); sau khi phun thuốc bảo vệ thực vật ít nhất 14 ngày hoặc theo hướng dẫn của bao bì sản phẩm, để đảm bảo lượng nước khai ra an toàn cho các loài thủy sinh thì đạt điểm ngưỡng là 2 điểm.
- Nông dân chậm khai nước sau khi sử dụng các hóa chất nông nghiệp, nhưng ít ngày hơn để bảo vệ cây lúa vì có các yếu tố bất ngờ (mưa, bão,...) thì chỉ được 1 điểm.
- Còn lại không thuộc các trường hợp trên thì không điểm.

(2) Nâng cao hiệu quả sử dụng nước:

- Nông dân có áp dụng đầy đủ các biện pháp (làm đất khô trước khi ngập nếu đất nứt nẻ, san phẳng mặt ruộng và gia cố bờ thửa vững chắc, tưới ngập khô xen kẽ, sử dụng giống có thời gian sinh trưởng ngắn ngày hoặc trung ngày có năng suất tiềm năng, rút nước trước thu hoạch 10-15 ngày) để nâng cao hiệu quả sử dụng nước phù hợp với từng vùng thì sẽ đạt tối đa 3 điểm.

- Nông dân chỉ áp dụng 50% các biện pháp liệt kê ở trên thì sẽ được 2 điểm.

- Nông dân chỉ áp dụng 25% các biện pháp liệt kê ở trên thì sẽ được 1 điểm.

- Nông dân không áp dụng sẽ không có điểm.

7. Quản lý dịch hại (sâu bệnh hại, chuột):

- Cần áp dụng biện pháp IPM: hạn chế phun thuốc bảo vệ thực vật từ 0 - 40 ngày đầu và áp dụng biện pháp sinh học sử dụng các dòng nấm như: *Beauveria sp*, *Metarhizium anisopliae* khi áp lực sâu bệnh còn thấp.

- Áp dụng ruộng lúa bờ hoa để thu hút thiên địch (chiều rộng bờ ruộng $\geq 1\text{m}$).

- Sử dụng thuốc hóa học khi đến ngưỡng hành động và phải theo phương pháp 4 đúng; sử dụng luân phiên các hoạt chất được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho phép sử dụng và thay đổi thị trường nhập khẩu gạo.

Khi sử dụng thuốc hóa học, các hoạt chất khuyến cáo phòng trừ một số đối tượng:

*** Sâu hại chính:**

+ Đối với rầy nâu: sử dụng hoạt chất: Triflumezopyrim, Thiamethoxam, Pymetrozine, Dinotefuran,... (Lưu ý: Khi phun hướng vòi vào thân cây lúa và phun đủ lượng thuốc theo khuyến cáo).

+ Đối với sâu cuốn lá nhỏ: sử dụng các hoạt chất như: Flubendiamide, Indoxacarb, Chlorantraniliprole.

+ Đối với muỗi hành:

- Cần áp dụng biện pháp tưới ngập – khô xen kẽ.

- Bón thúc đẻ nhánh sớm tăng chồi hữu hiệu.

- Áp dụng biện pháp hóa học cần sử dụng các hoạt chất như: Permethrin, Flubendiamide,...

*** Bệnh hại chính:**

+ Bệnh đốm vằn: sử dụng hoạt chất: Validamycin, Pencycuron,...

+ Đối với bệnh vàng lá: sử dụng hoạt chất Abendazole, Mancoze,...

+ Đối với bệnh đạo ôn: sử dụng hoạt chất như: Flutriafol, Fenoxanil, Trifloxystrobin - Propineb,...

+ Bệnh lem lép : Benzene-hexachloride, Flutriafol, Fenoxanil,...

*** Lưu ý:**

- + Nên sử dụng giống lúa ít nhiễm sâu bệnh.
- + Bón phân cân đối không bón thừa phân đạm, mật độ sạ vừa phải.
- + Khi xử lý thuốc hóa học ở giai đoạn trổ, chín đối với sản xuất lúa hàng hóa phải đảm bảo thời gian cách ly để dư lượng trên nông sản thấp hơn mức dư lượng tối đa cho phép của từng loại hoạt chất.

*** Phòng trừ chuột hại lúa:**

- + Cần tổ chức xuống giống và thu hoạch đồng loạt, vệ sinh đồng ruộng phát quang bụi rậm, đào hang, bơm nước để bắt chuột (vận động người dân nâng cao ý thức tham gia trong các chiến dịch diệt chuột và thường xuyên diệt chuột tại cộng đồng).
- + Dùng các loại bẫy và đặt bẫy mỗi trước lúc mặt trời lặn và thu vào sáng sớm, những bẫy sau khi sử dụng cần vệ sinh, ngâm nước để dùng lại.
- + Dùng hàng rào nylon bao quanh ruộng.
- + Đánh bả chuột ở những nơi có dấu chân chuột, đường chạy, cửa hang,... với loại thuốc hoạt chất như: Bromadiolone, Brodifacoum, Coumatetralyl, Diphacinone.
- + Liều lượng sử dụng theo khuyến cáo.

*** Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP** (bao gồm quản lý sâu, bệnh, cỏ, chuột, ốc, chim):

Thuốc bảo vệ thực vật chỉ được sử dụng khi dịch hại vượt quá ngưỡng hành động và sẽ gây ra thiệt hại hoặc thất thoát đáng kể, ưu tiên sử dụng các loại thuốc có nguồn gốc sinh học.

Khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, nông dân cần lưu ý: chỉ sử dụng thuốc có trong danh mục thuốc đã được đăng ký sử dụng tại Việt Nam để phòng trừ các dịch hại trên lúa. Ưu tiên những hoạt chất đã có thiết lập mức dư lượng tối đa (Maximum Residue Level - MRL) trên gạo như Codex, US, Japan, Australia,... tùy thuộc vào thị trường xuất khẩu. Đặc biệt, các loại thuốc phòng trừ bệnh thường sử dụng vào cuối vụ nên nguy cơ để lại dư lượng cao. Danh mục các hoạt chất đã có thiết lập MRL có thể tham khảo trên website của Codex, EPA, Japan, Australia,...

- Nông dân áp dụng các biện pháp ngăn ngừa trước khi áp dụng các biện pháp hóa học và khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải chọn đúng loại thuốc, có nguồn gốc rõ ràng, liều lượng theo hướng dẫn của bao bì sản phẩm, lựa chọn thời điểm sử dụng và thay đổi gốc thuốc giữa các lần phun thì đạt điểm tối đa là 3 điểm.

- Nông dân áp dụng các biện pháp ngăn ngừa trước khi áp dụng các biện pháp hóa học và khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải chọn đúng loại thuốc, có nguồn gốc rõ ràng, liều lượng theo hướng dẫn của bao bì sản phẩm thì đạt 2 điểm.

- Nông dân áp dụng các biện pháp ngăn ngừa trước khi áp dụng các biện pháp hóa học và khi sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải chọn đúng loại thuốc, có nguồn gốc rõ ràng thì đạt 1 điểm.

- Nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không áp dụng các biện pháp ngăn ngừa và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không theo khuyến cáo thì không có điểm.

8. Thu hoạch:

- Thời điểm thu hoạch lúa thích hợp nhất từ 28-30 ngày sau trổ hoặc 85-90% số hạt trên bông đã chín vàng.

- Thu hoạch lúa bằng máy gặt đập liên hợp lúc trời nắng ráo (thời điểm thu hoạch tốt nhất từ 10 giờ đến 17 giờ).

*** Mức độ tuân thủ, để chấm điểm theo SRP:**

- Nông dân thu hoạch dựa theo tiêu chí về độ chín (80-85% tổng số hạt có màu vàng rơm) hoặc ẩm độ (21-24%) thì sẽ đạt điểm tối đa là 3 điểm.

- Nông dân thu hoạch dựa vào tính số ngày trổ hoặc sạ (28 - 35 ngày sau trổ vào mùa khô hoặc 32-38 ngày sau trổ vào mùa mưa; 110 ngày sau sạ đối với giống chín sớm) thì sẽ đạt 2 điểm.

- Nông dân thu hoạch dựa vào đặc điểm của các hạt phần dưới của nhánh gié thì chỉ đạt 1 điểm.

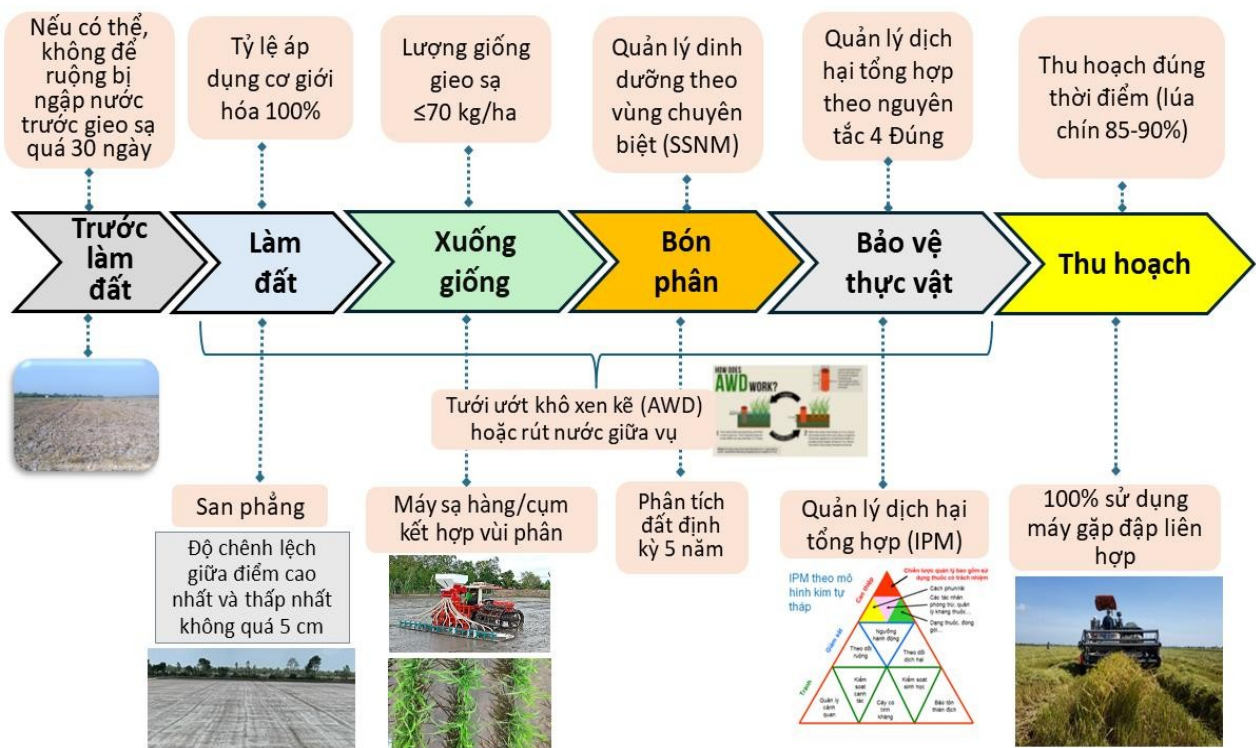
- Nông dân thu hoạch không dựa vào các trường hợp trên thì sẽ không có điểm.

PHỤ LỤC 2

QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT LÚA CHẤT LƯỢNG CAO VÀ PHÁT THẢI THÁP VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG.

(Trích từ Quyết định số 145/QĐ-TT-CLT ngày 27/3/2024 của Cục trưởng Cục Trồng trọt - Phục vụ Đề án “Xây dựng và Phát triển thương hiệu gạo tỉnh An Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”).

Quy trình gồm các khâu chính là: làm đất, gieo sạ, quản lý nước, bón phân và quản lý dịch hại tổng hợp (Hình 1)



Hình 1. Tóm tắt Quy trình

1. Làm đất:

- Hàng năm cần cày và phơi ải (sau thu hoạch vụ Đông Xuân). Các vụ còn lại áp dụng phương thức xới, trục và trục.

- Yêu cầu mặt ruộng bằng phẳng, chênh lệch giữa điểm cao nhất và thấp nhất tối đa không quá 5 cm. Áp dụng biện pháp san ướt dựa theo mực nước hoặc san phẳng ứng dụng laser.

- Vệ sinh đồng ruộng, gia cố bờ bao để quản lý nước, phay cho tơi đất với độ sâu 7-15 cm; trục, trục, đánh rãnh nước (nhất là trong vụ Hè Thu) để thoát phèn, diệt ốc bươu vàng.

- Làm đất xong, rút nước trước khi vận hành máy gieo sạ từ 6-12 giờ (nên rút nước 01 đêm, sáng hôm sau tiến hành sạ).

2. Chuẩn bị giống:

- Sử dụng giống xác nhận.
- Lượng giống gieo sạ: không quá 70 kg/ha.
- Xử lý và ngâm ủ hạt giống theo khuyến cáo của nhà sản xuất và phù hợp cho từng phương pháp gieo sạ.

3. Gieo sạ:

a. Thời điểm gieo sạ: sạ đồng loạt theo lịch xuống giống của cơ quan chuyên môn địa phương.

b. Phương pháp gieo sạ:

- Sử dụng máy sạ hàng hoặc sạ cụm, hàng cách hàng 20-30 cm và cụm cách cụm 12-20 cm. Hạt giống khi sạ nên dưới mặt đất 0,1-0,3 cm.
- Lưu ý: nên kết hợp vùi phân ở độ sâu 3-4 cm.

4. Quản lý nước

a. Quản lý nước trước khi làm đất: nếu có thể, không để ruộng bị ngập nước trước gieo sạ quá 30 ngày liên tục.

b. Áp dụng rút nước theo nguyên tắc ướn khô xen kẽ (AWD). Một số điểm cần lưu ý khi áp dụng:

Chỉ đưa nước vào ruộng khi mực nước xuống thấp dưới mặt đất 15 cm hoặc mặt ruộng nứt chân chim với mực nước ngập tối đa 5 cm. Các giai đoạn cần lưu ý như sau:

- Từ 1 - 7 ngày sau sạ: giữ ruộng đủ ẩm.
- Từ 12 - 22 ngày sau sạ: rút nước.
- Từ 28 - 40 ngày sau sạ: rút nước.
- Rút nước trước khi thu hoạch từ 7 đến 15 ngày.

c. Trường hợp rút nước 1 lần giữa vụ:

- Giai đoạn từ 28 - 40 ngày sau sạ: rút nước, chỉ đưa nước vào ruộng khi mực nước xuống thấp dưới mặt đất 15 cm hoặc mặt ruộng nứt chân chim với mực nước ngập tối đa 5 cm.

- Rút nước trước khi thu hoạch từ 7 đến 15 ngày.

5. Bón phân:

a. Nguyên tắc:

- Bón phân hợp lý, cân đối theo nhu cầu của cây lúa, theo vùng đặc thù và mùa vụ.
- Phân tích đất định kỳ 5 năm, xác định yếu tố hạn chế và xây dựng công thức bón

phân phù hợp cho cây lúa theo mùa vụ, vùng đặc thù.

b. Lượng phân bón cho 01 ha đối với lúa gieo sạ

- Khuyến khích sử dụng 1,5 - 3,0 tấn phân hữu cơ.
- Vôi: 200-300 kg đối với đất có độ chua vừa và trung bình (pH_{KCl} 4,0 - 5,0); 400 - 500 kg đối với đất chua nhiều và đất phèn ($\text{pH}_{\text{KCl}} < 4,0$).
- Phân bón đa lượng đối với vụ Đông Xuân:
Đối với đất phù sa: 90-100 kg N, 30-40 kg P_2O_5 và 30-40 kg K_2O .
Đối với đất phèn nhẹ: 80-100 kg N, 40-50 kg P_2O_5 và 25-30 kg K_2O .
Đối với đất phèn trung bình: 60-80 kg N, 50-60 kg P_2O_5 và 25-30 kg K_2O .
- Lượng phân đạm trong vụ Hè Thu và Thu Đông giảm 15 - 20% so với vụ Đông Xuân.
- Khi sạ lúa kết hợp vùi phân, nên giảm 10 - 15% lượng đạm bón so với phương pháp sạ không kết hợp vùi phân.
- Khuyến khích sử dụng bảng so màu lá lúa để điều chỉnh lượng đạm bón phù hợp.

c. Thời kỳ bón phân:

- Bón lót: phân hữu cơ, vôi và lân. Riêng đất chua nhiều và đất phèn, dành 30% phân lân cho bón thúc lần 1.
- Bón thúc:
 - + Lần 1 (7 - 10 ngày sau sạ): 40% N.
 - + Lần 2 (18 - 22 ngày sau sạ): 40% N + 40% K_2O
 - + Lần 3 (38 - 42 ngày sau sạ): 20% N + 60% K_2O
- d. Áp dụng cơ giới hóa sạ hàng hoặc sạ cụm kết hợp vùi phân
 - Sử dụng loại phân phù hợp cho bón vùi bằng máy.
 - Bón phân chia thành 02 lần:
 - + Lần 1: bón vùi khi sạ 70 - 80% lượng phân,
 - + Lần 2 (38 - 42 ngày sau sạ): bón đón đòng (bón vãi) lượng phân còn lại.

6. Quản lý dịch hại tổng hợp:

Áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên nền tảng Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM):

- Thực hiện điều tra dự tính, dự báo để phát hiện sớm, phòng trừ kịp thời các loại sâu, bệnh hại.
- Áp dụng nguyên tắc 4 đúng trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (đúng thuốc,

đúng liều lượng và nồng độ, đúng thời điểm và đúng phương pháp).

- Luân phiên sử dụng các nhóm hoạt chất khác nhau để hạn chế tình trạng kháng thuốc. Ưu tiên sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, thảo mộc.

7. Quản lý thu hoạch và xử lý sau thu hoạch:

Lúa phải được thu hoạch đúng thời điểm. Ứng dụng công nghệ sấy và bảo quản tiên tiến để giảm tối đa tổn thất sau thu hoạch (khối lượng, chất lượng).

a. Thu hoạch:

- Thời điểm thu hoạch: khi lúa chín khoảng 85 - 90%.
- Sử dụng máy gặt đập liên hợp.

b. Sấy lúa:

- Lúa cần được sấy khô trong vòng 24 giờ sau khi thu hoạch, đạt ẩm độ 14% cho lúa thương phẩm và 13,5% cho lúa giống.

- Khuyến cáo sử dụng các công nghệ sấy đã minh chứng về lợi ích và chất lượng như sấy tĩnh vĩ ngang đảo chiều không khí hoặc đảo lúa, sấy hai giai đoạn bao gồm sấy tầng sôi và sấy tháp tuần hoàn. Lựa chọn công nghệ phù hợp với công suất hay quy mô sấy.

c. Bảo quản lúa:

- Lúa đưa vào bảo quản phải đạt độ ẩm dưới 14% (lúa thương phẩm) và 13,5% (lúa giống). Lúa được làm sạch trước khi bảo quản.

- Một số công nghệ bảo quản phù hợp cho vùng đồng bằng sông Cửu Long như kho hay silo có thông khí cưỡng bức, bảo quản kín trong bao.

- Hạn chế sử dụng biện pháp xông hơi khử trùng trong bảo quản và phải tuân thủ quy định về mức nhiễm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

- Khuyến khích áp dụng công nghệ số trong quản lý bảo quản lúa.

8. Quản lý rơm rạ:

Quản lý rơm rạ theo hướng tuần hoàn và phát thải thấp bao gồm các khâu và kỹ thuật chính như Hình 2.

a. Rơm:

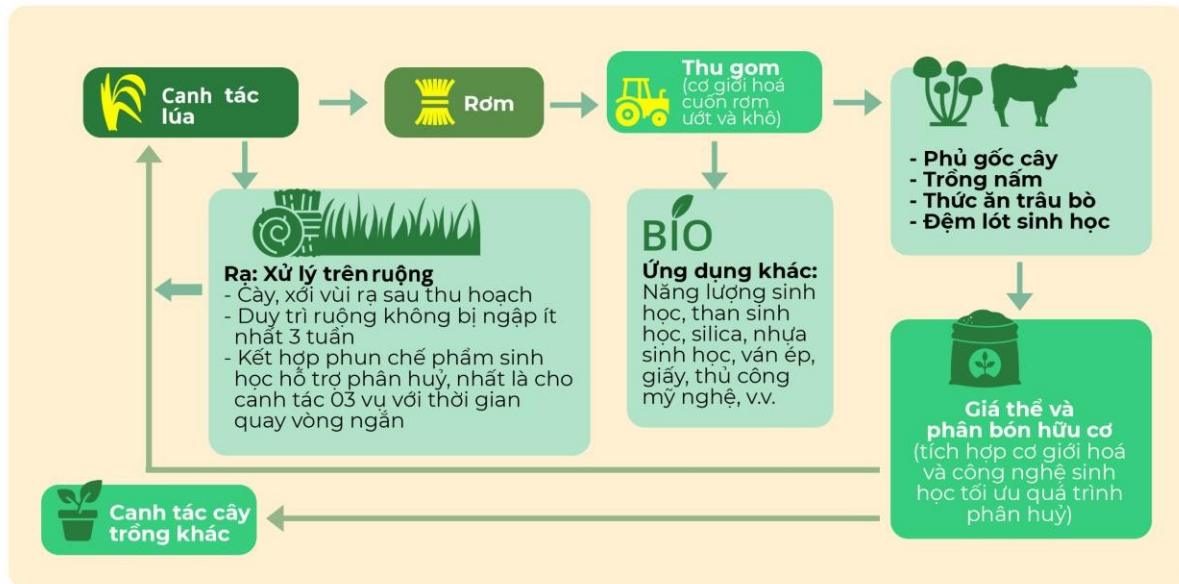
- Không đốt rơm hoặc vùi rơm trong ruộng ngập nước.
- Thu rơm ra khỏi ruộng bằng máy cuốn rơm, ưu tiên tái sử dụng hay tuần hoàn rơm tại địa phương.

- Rơm khô, chất lượng phù hợp có thể sử dụng để trồng nấm hoặc sản xuất thức ăn cho đại gia súc, đệm lót sinh học, và sản xuất các vật dụng thay thế nhựa như chậu hoa, v.v.

- Rơm ướt hoặc rơm đã bị hoại mục sử dụng để phủ gốc cây. Riêng rơm đã bị

mốc, sử dụng để sản xuất phân bón hữu cơ.

- Tất cả các loại rơm và phụ phẩm hay chất thải từ trồng nấm và chăn nuôi nên được sử dụng làm phân bón hữu cơ.



Hình 2. Quy trình quản lý rơm rạ

b. Gốc rạ:

Khuyến khích áp dụng các biện pháp thúc đẩy phân hủy gốc rạ trong điều kiện không bị ngập nước như cày vùi, băm hay làm đập gốc rạ, phun bổ sung chế phẩm sinh học.

- Vụ Đông Xuân: Cày hoặc xới vùi gốc rạ ngay sau thu hoạch (càng sớm càng tốt), duy trì điều kiện khô (không ngập nước) ít nhất 3 tuần sau khi vùi.

- Vụ Hè Thu và Thu Đông: xới ruộng ngay sau thu hoạch và kết hợp phun chế phẩm sinh học như Trichoderma,... trước khi xới ruộng./.